

Số: /2023/NQ-HĐND

Sóc Trăng, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định nội dung, mức chi thực hiện
Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số chuyển thành nhiệm vụ thường xuyên
trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2023 - 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG
KHÓA X KỲ HỌP THỨ ...**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Sóc Trăng dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định nội dung, mức
chi thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số chuyển thành nhiệm vụ
thường xuyên trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2023 - 2025; Báo cáo thẩm
tra của Ban Văn hóa - Xã hội; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân
tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất quy định một số nội dung và mức chi các hoạt động,
nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số chuyển thành nhiệm vụ
thường xuyên trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, nội dung và mức chi (theo
phụ lục chi tiết đính kèm).

2. Nguồn kinh phí

Nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành và các nguồn hợp
pháp khác.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng Khóa X kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2023 và có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 2023./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Y tế;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Các vị ĐBQH tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng: TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu VT

CHỦ TỊCH

QUY ĐỊNH

Nội dung, mức chi thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số chuyển thành nhiệm vụ thường xuyên trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2023 - 2025

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 202...
của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định nội dung, mức chi thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số chuyển thành nhiệm vụ thường xuyên trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2023 - 2025 từ nguồn ngân sách tỉnh và nguồn thu hợp pháp của đơn vị.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số chuyển thành nhiệm vụ thường xuyên trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2023 - 2025 từ nguồn ngân sách tỉnh và nguồn thu hợp pháp của đơn vị.

Chương II NỘI DUNG VÀ MỨC CHI CHUNG

Điều 2. Chi mua thuốc, mẫu thực phẩm, phương tiện tránh thai, trang thiết bị y tế, vật tư y tế, bơm kim tiêm và hộp an toàn (phục vụ cho Tiêm chủng mở rộng), sinh phẩm, hóa chất, vật tư tiêu hao, dụng cụ, vật dụng đặc thù, trang thiết bị (đào tạo, truyền thông, tin học và quản lý) dùng cho hoạt động chuyên môn của từng Dự án thuộc chương trình (bao gồm cả mua phục vụ các lớp đào tạo, tập huấn để học viên thực hành lâm sàng và tiền lâm sàng (nếu có))

Mức chi theo hóa đơn, chứng từ hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đầu thầu.

Điều 3. Chi tiêu hủy bom kim tiêm, thuốc, vắc xin, phương tiện tránh thai, mẫu bệnh phẩm, vật tư, rác thải y tế độc hại, hóa chất hết hạn sử dụng (nếu có) thuộc chương trình; tiêu hủy hàng vô chủ là thực phẩm, nguyên liệu, vật tư, hóa chất sản xuất, chế biến thực phẩm vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm (bao gồm thực phẩm giả, thực phẩm nhái, thực phẩm kém chất lượng, thực phẩm không đảm bảo an toàn) phát hiện trong các đợt kiểm tra, giám sát thuộc chương trình theo quyết định xử lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền

1. Mua nhiên liệu, hóa chất, vật tư dùng cho tiêu hủy (nếu có).
2. Thuê kho lưu giữ vật tư, hóa chất, mầm bệnh độc phải thực hiện tiêu hủy.
3. Thuê máy móc, thiết bị phục vụ tiêu hủy (nếu cần thiết).

Mức chi quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này căn cứ vào dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hợp đồng, hóa đơn, các chứng từ chi tiêu hợp pháp phù hợp với giá thị trường tại thời điểm thực hiện ở địa phương.

4. Chi vận chuyển: thuốc, vắc xin, phương tiện tránh thai, mẫu bệnh phẩm, thực phẩm, nguyên liệu sản xuất, chế biến thực phẩm; vật tư, hóa chất phục vụ sản xuất, kinh doanh cần tiêu hủy; trang thiết bị, người tham gia phục vụ tiêu hủy. Mức chi theo quy định tại Điều 5 Quy định này.

5. Thuê nhân công thực hiện việc tiêu hủy (nếu có): mức chi bằng 1,5 mức lương tối thiểu vùng (tính theo ngày) do Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động. Trường hợp phải thuê cơ quan, đơn vị khác thực hiện việc tiêu hủy: mức chi thực hiện theo hợp đồng, hóa đơn của đơn vị thực hiện tiêu hủy.

Điều 4. Chi sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng, bảo trì định kỳ và hiệu chỉnh các trang thiết bị, kho bảo quản (thuốc, phương tiện tránh thai, sinh phẩm, mẫu bệnh phẩm, vật tư, hóa chất) phục vụ hoạt động chuyên môn của từng Dự án thuộc chương trình do cấp có thẩm quyền phê duyệt

Mức chi theo hóa đơn, chứng từ hợp pháp và quy định của pháp luật về đấu thầu.

Điều 5. Chi vận chuyển hàng hóa, mẫu bệnh phẩm, mẫu xét nghiệm từ nơi lấy mẫu về cơ sở thực hiện xét nghiệm để phục vụ hoạt động chuyên môn của từng dự án, máy móc, trang thiết bị; chi phí đi lại của cán bộ y tế, dân số, người phục vụ, cộng tác viên và đối tượng trong các đợt khám sàng lọc, phát hiện và triển khai các chiến dịch

1. Trường hợp đi lại, vận chuyển bằng các phương tiện công cộng: Mức hỗ trợ theo giá vé phương tiện vận tải công cộng.
2. Trường hợp vận chuyển theo đường bưu điện: Mức hỗ trợ theo giá dịch vụ bưu chính hiện hành.

3. Trường hợp thuê phương tiện đi lại, vận chuyển đường bộ (nếu cần thiết): thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định việc sử dụng phương tiện vận chuyển. Mức chi theo hợp đồng thuê phương tiện hoặc giấy biên nhận với chủ phương tiện (có tính đến giá vận tải phương tiện khác đang thực hiện cùng thời điểm tại vùng đó) trong phạm vi dự toán được giao.

4. Trường hợp tự túc phương tiện đi lại, vận chuyển đường bộ (nếu cần thiết): Mức hỗ trợ tối đa bằng 0,2 lít xăng/km tính theo khoảng cách địa giới hành chính và giá xăng tại thời điểm sử dụng.

Trường hợp vận chuyển nhiều hàng hóa, trang thiết bị, mẫu bệnh phẩm và con người trên cùng một phương tiện thì mức thanh toán tối đa không quá mức quy định nêu trên.

Điều 6. Chi hỗ trợ người cho và lấy mẫu xét nghiệm theo quy định về chuyên môn y tế để xác định các bệnh thuộc chương trình (riêng đối với dự án Tiêm chủng mở rộng chỉ áp dụng đối với các bệnh: bạch hầu, ho gà, uốn ván, sởi, rubella, viêm gan B, viêm não Nhật Bản, viêm phổi/viêm màng não mủ do Hib, lao và bại liệt) trong các cuộc điều tra, thanh tra, kiểm tra, giám sát

1. Chi hỗ trợ người lấy mẫu bệnh phẩm, vật phẩm và mẫu máu (trừ mẫu dịch não tủy): 7.000 đồng/mẫu.

2. Chi hỗ trợ người lấy mẫu dịch não tủy: 30.000 đồng/mẫu.

3. Chi hỗ trợ người cho mẫu máu tĩnh mạch: 30.000 đồng/mẫu, người cho mẫu máu mao mạch: 10.000 đồng/mẫu.

Điều 7. Chi lấy, bảo quản, vận chuyển, xét nghiệm mẫu phục vụ công tác kiểm tra, đánh giá, giám sát chuyên môn, hỗ trợ kỹ thuật tại các tuyến và hướng dẫn thực hiện các hoạt động chuyên môn thuộc chương trình

1. Lấy, bảo quản hoặc mua mẫu xét nghiệm, mẫu phân tích: Mức chi lấy mẫu thực hiện theo Điều 6 Quy định này; việc bảo quản, mua mẫu theo chứng từ, hóa đơn hợp lệ và phù hợp với giá cả thị trường của địa phương tại thời điểm lấy mẫu.

2. Vận chuyển mẫu phân tích từ nơi lấy mẫu về cơ sở thực hiện xét nghiệm: Mức chi thực hiện theo Điều 5 Quy định này.

3. Chi xét nghiệm, kiểm nghiệm mẫu: Mức chi thực hiện theo giá dịch vụ y tế của cơ quan có thẩm quyền quy định đối với cơ sở y tế công lập hiện hành. Đối với dịch vụ xét nghiệm, kiểm nghiệm chuyển từ phí sang cơ chế giá không thuộc danh mục sản phẩm, dịch vụ do Nhà nước định giá: Mức chi theo giá của đơn vị cung cấp dịch vụ.

Điều 8. Chi tổ chức tư vấn, nói chuyện chuyên đề hướng dẫn bệnh nhân và người nhà bệnh nhân phòng, điều trị, chăm sóc và hỗ trợ tâm lý cho người bệnh; hỗ trợ tổ chức các hoạt động sinh hoạt câu lạc bộ thực hiện tư vấn về nội dung chương trình

1. Trường hợp tư vấn, nói chuyện chuyên đề, hướng dẫn tập trung:

a) Chi thuê địa điểm, bàn, ghế, phong, bạt (nếu có): Mức chi thực hiện theo hợp đồng (trong trường hợp thuê dịch vụ) hoặc giá thị trường tại địa phương và chứng từ chi tiêu hợp pháp (giấy biên nhận hoặc hóa đơn).

b) Chi thù lao người thực hiện tư vấn là cộng tác viên, nhân viên y tế khám, áp: Mức chi thực hiện theo quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tại các đơn vị từ cấp huyện và tương đương trở xuống được quy định tại Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

2. Riêng trường hợp tư vấn thường xuyên hàng tháng tại cơ sở xét nghiệm HIV, lao kháng thuốc, cơ sở điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế.

Thù lao người thực hiện tư vấn: 100.000 đồng/người tư vấn/buổi tư vấn, tối đa 500.000 đồng/người tư vấn/tháng. Số lượng người tư vấn do người đứng đầu cơ quan chuyên môn về y tế, dân số tại địa phương quyết định theo hướng dẫn cụ thể từng chương trình hoặc dự án của Bộ Y tế.

3. Trường hợp đi tư vấn, hướng dẫn tại cộng đồng.

Ngoài chế độ công tác phí theo quy định, cán bộ tư vấn được bồi dưỡng theo đối tượng tư vấn với mức 15.000 đồng/người được tư vấn/lần tư vấn, tối đa 300.000 đồng/người tư vấn/tháng. Riêng tư vấn về an toàn thực phẩm, mức chi 30.000 đồng/cơ sở được tư vấn/lần tư vấn, tối đa 450.000 đồng/người tư vấn/tháng.

Điều 9. Chi tổ chức khám sàng lọc, sàng lọc phát hiện, quản lý sàng lọc, chiến dịch và khám lưu động tại cộng đồng đối với các bệnh, các hoạt động thuộc các dự án của chương trình (bao gồm cả lồng ghép khám bệnh, chữa bệnh với khắc phục hậu quả thiên tai và củng cố quốc phòng, an ninh trên địa bàn thuộc phạm vi dự án kết hợp quân dân y. Riêng đối với dự án Tiêm chủng mở rộng chỉ thực hiện đối với các bệnh: Bạch hầu, ho gà, uốn ván, sởi, rubella, viêm gan B, viêm não Nhật Bản, viêm phổi/viêm màng não mủ do Hib, thương hàn, lao, bại liệt) (sau đây viết tắt là khám sàng lọc)

1. Chi phí xét nghiệm, thủ thuật lấy bệnh phẩm sinh thiết, làm tiêu bản mô bệnh học và các dịch vụ kỹ thuật y tế khác theo chuyên môn y tế (nếu có).

Mức chi thực hiện theo giá dịch vụ y tế của cơ quan có thẩm quyền quy định đối với cơ sở y tế công lập hiện hành.

2. Chi hỗ trợ cho những người trực tiếp tham gia công tác khám sàng lọc ngoài chế độ công tác phí hiện hành

a) Trường hợp là người đang hưởng lương, phụ cấp hàng tháng từ ngân sách nhà nước:

Người trực tiếp khám, xét nghiệm (bao gồm bác sỹ, y sỹ, y tá, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật viên xét nghiệm): Mức hỗ trợ là 125.000 đồng/người/ngày khi thực hiện tại xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới (sau đây viết tắt là xã ĐBKK); 90.000 đồng/người/ngày khi thực hiện tại các xã còn lại;

Đối tượng khác trực tiếp phục vụ công tác khám sàng lọc: Mức hỗ trợ 65.000 đồng/người/ngày khi thực hiện tại xã ĐBK; 40.000 đồng/người/ngày khi thực hiện tại các xã còn lại.

b) Trường hợp là người không hưởng lương, phụ cấp hàng tháng từ ngân sách nhà nước:

Người trực tiếp khám, xét nghiệm: Mức hỗ trợ bằng 1,3 lần mức lương tối thiểu vùng (tính theo ngày) do Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động;

Đối tượng khác trực tiếp phục vụ công tác khám sàng lọc (bao gồm cộng tác viên, tổ tự quản khám, áp): Mức hỗ trợ bằng mức lương tối thiểu vùng (tính theo ngày) do Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.

3. Chi thuê địa điểm, bàn, ghế, phòng, bạt (nếu có), thanh toán tiền nhiên liệu, điện, nước, vật tư y tế phục vụ công tác khám sàng lọc: Mức chi theo thực tế phát sinh trên cơ sở hóa đơn và chứng từ chi tiêu hợp pháp.

Thời gian thực hiện một đợt khám tại một cụm khám và số lượng đối tượng khám tối thiểu/ngày theo quy định về chuyên môn của Bộ Y tế;

Người tham gia khám sàng lọc chỉ được hưởng 01 mức hỗ trợ theo quy định tại Điều này hoặc theo quy định về nội dung chi đặc thù của dự án, hoạt động của chương trình (nếu có).

Điều 10. Chi thù lao cộng tác viên y tế, dân số tại xã, phường, thị trấn

1. Mức hỗ trợ cộng tác viên y tế

a) Đối với xã, phường, thị trấn trọng điểm, xã ĐBK: 200.000 đồng/người/tháng/dự án (Dự án 2, Dự án 4, Dự án 5, Dự án 6, Dự án 7) hoặc 01 bệnh của Dự án 1 hoặc 01 hoạt động của Dự án 3 Quy định này.

b) Đối với các xã, phường, thị trấn còn lại: 150.000 đồng/người/tháng/dự án (Dự án 2, Dự án 4, Dự án 5, Dự án 6, Dự án 7) hoặc 01 bệnh của Dự án 1 hoặc 01 hoạt động của Dự án 3 Quy định này.

Trường hợp cộng tác viên của nhiều dự án (Dự án 2, 4, 5, 6, 7) hoặc nhiều bệnh của Dự án 1 hoặc hoạt động của Dự án 3 thì cứ mỗi dự án hoặc 01 bệnh/hoạt động tăng thêm, cộng tác viên được hỗ trợ thêm 50.000 đồng/tháng.

2. Mức hỗ trợ cộng tác viên dân số: 200.000 đồng/người/tháng.

Điều 11. Chi hỗ trợ cơ sở y tế xây dựng, triển khai mô hình quản lý, phát hiện và ghi nhận bệnh nhân các bệnh không lây nhiễm (gồm bệnh đái tháo đường, tăng huyết áp, tai biến mạch não/đột quỵ não, nhồi máu cơ tim, ung thư, bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính, hen phế quản, sức khỏe tâm thần) theo quy định của Bộ Y tế

Mức chi: 200.000 đồng/bệnh/cơ sở y tế/tháng để thực hiện các nội dung sau:

1. Lập phiếu đánh giá nguy cơ bệnh, lập phiếu ghi nhận, lập bảng phỏng vấn bệnh nhân (nếu có).
2. Lập hồ sơ bệnh án hoặc sổ theo dõi định kỳ bệnh nhân theo yêu cầu của chương trình.
3. Tư vấn phòng, chống các bệnh không lây nhiễm (bao gồm cả hướng dẫn về tuân thủ điều trị và tư vấn chăm sóc sức khỏe).

Chương III

NỘI DUNG VÀ MỨC CHI ĐẶC THÙ CỦA CÁC DỰ ÁN

Mục 1

NỘI DUNG VÀ MỨC CHI ĐẶC THÙ CỦA DỰ ÁN 1 - PHÒNG, CHỐNG MỘT SỐ BỆNH TRUYỀN NHIỄM NGUY HIỂM VÀ CÁC BỆNH KHÔNG LÂY NHIỄM PHỔ BIẾN

Điều 12. Hoạt động phòng, chống phong

1. Chi mua vật dụng đặc thù để cấp cho bệnh nhân phong thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

2. Chi hỗ trợ cho cán bộ y tế trực tiếp cấp phát thuốc và theo dõi bệnh nhân phong đa hóa trị liệu tại nhà, ngoài chế độ công tác phí hiện hành: Mức hỗ trợ như sau:

a) Đối với bệnh nhân nhóm ít vi khuẩn, điều trị đủ liều từ 6-9 tháng: 200.000 đồng/bệnh nhân/đợt điều trị đủ liều.

b) Đối với bệnh nhân nhóm nhiều vi khuẩn, điều trị đủ liều từ 12-18 tháng: 400.000 đồng/bệnh nhân/đợt điều trị đủ liều.

3. Bệnh nhân phong thuộc hộ nghèo được hỗ trợ

a) Dụng cụ phục hồi chức năng cho bệnh nhân phong bị khuyết tật theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Quy định này.

b) Trường hợp bệnh nhân nạo vét lỗ đáo điều trị tại trạm y tế xã, cơ sở y tế khu vực được hỗ trợ 50.000 đồng/người/ngày, thời gian hỗ trợ không quá 20 ngày.

4. Chi thù lao cho người phát hiện bệnh nhân phong mới và giới thiệu hoặc đưa được họ đến cơ sở y tế khám chẩn đoán

a) Bệnh nhân ở xã ĐBK: 300.000 đồng/bệnh nhân.

b) Bệnh nhân ở các xã còn lại: 200.000 đồng/bệnh nhân.

Điều 13. Hoạt động phòng, chống lao

1. Chi hỗ trợ cho cán bộ y tế làm công tác khám, phát hiện nguồn lây chính (lao phổi có bằng chứng vi khuẩn học) tại cộng đồng: 30.000 đồng/bệnh nhân lao có bằng chứng vi khuẩn học.

2. Chi hỗ trợ cán bộ y tế xã trực tiếp khám và vận chuyển mẫu đờm của người nghi lao tới tổ chống lao tuyến huyện

a) Đối với xã ĐBKK: 50.000 đồng/xã/tháng.

b) Đối với các xã còn lại: 30.000 đồng/xã/tháng.

3. Chi hỗ trợ cho cán bộ y tế trực tiếp cấp phát thuốc, kiểm tra, giám sát, theo dõi biến cố bất lợi, tư vấn tuân thủ điều trị bệnh nhân lao, lao kháng đa thuốc, lao tiềm ẩn điều trị đủ thời gian theo hướng dẫn của Bộ Y tế (Dự án phòng, chống lao quốc gia):

a) Đối với xã ĐBKK: 170.000 đồng/bệnh nhân/đợt điều trị 6 - 8 tháng; 150.000 đồng/bệnh nhân lao tiềm ẩn/đợt điều trị; 200.000 đồng/bệnh nhân lao kháng đa thuốc/đợt điều trị 9 - 11 tháng hoặc 400.000 đồng/bệnh nhân lao kháng đa thuốc/đợt điều trị 18 - 20 tháng.

b) Đối với các xã còn lại: 120.000 đồng/bệnh nhân/đợt điều trị 6 - 8 tháng; 100.000 đồng/bệnh nhân lao tiềm ẩn/đợt điều trị; 150.000 đồng/bệnh nhân lao kháng đa thuốc/đợt điều trị 9 - 11 tháng hoặc 300.000 đồng/bệnh nhân lao kháng đa thuốc/đợt điều trị 18 - 20 tháng.

Điều 14. Hoạt động phòng, chống sốt rét

1. Chi hỗ trợ cán bộ thực hiện các xét nghiệm phát hiện bệnh sốt rét tại gia đình

a) Xét nghiệm để định loại véc tơ truyền bệnh (muỗi Anopheles): 5.000 đồng/mẫu.

b) Xét nghiệm xác định độ nhạy cảm với hóa chất và hiệu lực diệt muỗi của từng loại hóa chất (từ khâu bắt muỗi, nuôi muỗi và phát triển cho đủ số lượng muỗi của một mẫu và xét nghiệm): 600.000 đồng/mẫu.

c) Xét nghiệm huyết thanh chẩn đoán sốt rét (từ khâu lấy máu, vận chuyển đến bảo quản và xét nghiệm): 25.000 đồng/mẫu.

d) Xét nghiệm PCR, giải trình tự gen: 30.000 đồng/mẫu.

2. Chi hỗ trợ cán bộ tại điểm kính hiển vi: 150.000 đồng/điểm kính hiển vi/tháng.

3. Chi trả công người làm mồi và người đi bắt muỗi đêm: 130.000 đồng/người/đêm.

4. Chi trả công người trực tiếp phun, tẩm hóa chất diệt muỗi: Mức hỗ trợ bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng (tính theo ngày) do Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.

Điều 15. Hoạt động phòng, chống sốt xuất huyết

1. Chi hỗ trợ cán bộ thực hiện các xét nghiệm phát hiện bệnh sốt xuất huyết tại gia đình

a) Xét nghiệm để định loại véc tơ truyền bệnh: 5.000 đồng/mẫu.

b) Xét nghiệm xác định độ nhạy cảm với hóa chất và hiệu lực diệt muỗi của từng loại hóa chất (từ khâu bắt muỗi, nuôi muỗi và phát triển cho đủ số lượng muỗi của một mẫu và xét nghiệm): 600.000 đồng/mẫu.

c) Xét nghiệm huyết thanh chẩn đoán sốt xuất huyết (từ khâu lấy máu, vận chuyển đến bảo quản và xét nghiệm): 25.000 đồng/mẫu.

d) Xét nghiệm PCR, giải trình tự gen: 30.000 đồng/mẫu.

2. Hỗ trợ cán bộ thực hiện nuôi cấy, phân lập vi rút, người trực tiếp phun, tẩm hóa chất diệt muỗi, người trực tiếp thực hiện các hoạt động vệ sinh môi trường, diệt bọ gậy, lăng quăng tại hộ gia đình và trong các đợt tổ chức chiến dịch như sau:

a) Chi hỗ trợ cán bộ thực hiện nuôi cấy, phân lập vi rút: 40.000 đồng/mẫu;

b) Chi trả công người trực tiếp phun, tẩm hóa chất diệt muỗi: Mức hỗ trợ bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng (tính theo ngày) do Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.

c) Chi trả công cho người trực tiếp thực hiện các hoạt động vệ sinh môi trường, diệt bọ gậy, lăng quăng tại hộ gia đình và trong các đợt tổ chức chiến dịch (không kể thành viên của hộ gia đình): 3.000 đồng/hộ/lần, mức hỗ trợ một ngày tối đa bằng mức lương tối thiểu vùng (tính theo ngày) do Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.

Điều 16. Bảo vệ sức khỏe tâm thần

1. Chi phát hiện, quản lý và điều trị sớm cho bệnh nhân tâm thần

Chi hỗ trợ cho cán bộ y tế làm bảng hỏi Beck hoặc đánh giá trầm cảm khác theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế: 15.000 đồng/bảng hỏi.

2. Hỗ trợ cho cán bộ y tế tuyến xã được phân công cấp thuốc định kỳ cho bệnh nhân tâm thần tại gia đình, hỗ trợ nhân viên y tế khám, áp tham gia phục hồi chức năng cho bệnh nhân tâm thần tại cộng đồng: Mức hỗ trợ như sau:

a) Hỗ trợ cho cán bộ y tế tuyến xã được phân công cấp thuốc định kỳ cho bệnh nhân tâm thần tại gia đình: 150.000 đồng/xã, phường, thị trấn/tháng.

b) Hỗ trợ nhân viên y tế khám, áp tham gia phục hồi chức năng cho bệnh nhân tâm thần tại cộng đồng: 20.000 đồng/bệnh nhân/tháng ở khu vực đồng bằng và thành thị, 25.000 đồng/bệnh nhân/tháng ở khu vực miền núi, vùng cao và hải đảo nhưng không quá 100.000 đồng/khóm, áp/tháng.

c) Số lượng cán bộ, nhân viên y tế được hỗ trợ do cơ quan y tế đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định dựa trên nhu cầu thực tiễn tại địa phương.

Điều 17. Hoạt động phòng, chống bệnh đái tháo đường và phòng, chống các rối loạn do thiếu iốt

Chi hỗ trợ cán bộ y tế trong đợt khám sàng lọc, chiến dịch:

1. Chi hỗ trợ cán bộ y tế thực hiện quy trình lấy máu tĩnh mạch và ly tâm mẫu máu lấy huyết thanh xét nghiệm: 20.000 đồng/mẫu.
2. Chi hỗ trợ cán bộ y tế thực hiện quá trình làm nghiệm pháp tăng đường máu, mức chi: 5.000 đồng/mẫu.
3. Chi công xét nghiệm nhanh mẫu muối Iốt 2.000 đồng/mẫu.
4. Chi công khám siêu âm tuyến giáp trong điều tra, đánh giá, khảo sát 10.000 đồng/người được khám.
5. Chi nước uống và đường glucose cho đối tượng làm nghiệm pháp tăng đường máu: 10.000 đồng/người.

Điều 18. Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản

Chi hỗ trợ cán bộ y tế cơ sở hướng dẫn tập, phục hồi chức năng một lần cho bệnh nhân mắc bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản tại cộng đồng: Mức hỗ trợ là 15.000 đồng/bệnh nhân hoặc 100.000 đồng/cán bộ y tế/ngày trong trường hợp hướng dẫn ít nhất từ 7 bệnh nhân trở lên tại cùng một địa điểm.

Điều 19. Hoạt động y tế trường học

Chi hỗ trợ lồng ghép giảng dạy các kiến thức phòng, chống bệnh, tật học đường trong các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân: Chi hỗ trợ soạn giáo trình về y tế học đường và chi thù lao giảng viên dạy chuyên đề về y tế học đường theo quy định hiện hành.

Mục 2

NỘI DUNG VÀ MỨC CHI ĐẶC THÙ CỦA DỰ ÁN 2 (TIÊM CHỦNG MỞ RỘNG)

Điều 20. Dự án Tiêm chủng mở rộng

1. Chi hỗ trợ cán bộ y tế cho trẻ uống hoặc tiêm vắc xin đủ 8 liều theo quy định của chương trình
 - a) Đối với xã ĐBK: 24.000 đồng/trẻ uống hoặc tiêm đủ liều (trương đương 3.000 đồng/trẻ/lần uống hoặc tiêm vắc xin).
 - b) Đối với các xã, phường, thị trấn còn lại: 12.000 đồng/trẻ uống hoặc tiêm đủ liều (trương đương 1.500 đồng/trẻ/lần uống hoặc tiêm vắc xin).
2. Chi hỗ trợ cán bộ y tế tiêm vắc xin viêm gan B liều sơ sinh cho trẻ trong 24 giờ đầu sau sinh tại bệnh viện hoặc cơ sở y tế; tiêm BCG (vắc xin phòng ngừa bệnh lao) tại các bệnh viện; tiêm một trong các loại vắc xin: IPV (vắc xin bại liệt bất hoạt), viêm não Nhật Bản B, tả, thương hàn, sởi - rubella, DPT4 (vắc xin bạch hầu - ho gà - uốn ván) cho trẻ 18 tháng tuổi; các vắc xin mới; cho trẻ tiêm/uống vắc xin trong các chiến dịch tiêm chủng bổ sung

- a) Đối với xã ĐBK: 4.000 đồng/trẻ/liều (lần tiêm).
 - b) Đối với các xã, phường, thị trấn còn lại: 2.000 đồng/trẻ/liều (lần tiêm).
3. Chi hỗ trợ cán bộ tiêm đủ liều vắc xin uốn ván cho phụ nữ có thai và phụ nữ tuổi sinh đẻ
- a) Đối với xã ĐBK: 2.000 đồng/mũi.
 - b) Đối với các xã, phường, thị trấn còn lại: 1.000 đồng/mũi.
4. Chi giám sát, điều tra một trường hợp liệt mềm cấp từ ngày phát hiện bệnh đến ngày thứ 60, lấy và chuyển bệnh phẩm theo quy định
- a) Đối với xã ĐBK: 520.000 đồng/ca bệnh.
 - b) Đối với các xã, phường, thị trấn còn lại: 400.000 đồng/ca bệnh.
5. Chi giám sát, điều tra một trường hợp nghi uốn ván sơ sinh, nghi sởi, nghi rubella, nghi viêm não Nhật Bản, chết sơ sinh từ ngày phát hiện ca bệnh, điều tra và hoàn thành phiếu điều tra theo quyết định của cấp có thẩm quyền
- a) Đối với xã ĐBK: 300.000 đồng/ca bệnh.
 - b) Đối với các xã, phường, thị trấn còn lại: 150.000 đồng/ca bệnh.

Mục 3

NỘI DUNG VÀ MỨC CHI ĐẶC THÙ CỦA DỰ ÁN 3 (DÂN SỐ VÀ PHÁT TRIỂN)

Điều 21. Hoạt động Dân số - Kế hoạch hóa gia đình (sau đây viết tắt là KHHGD)

- 1. Chi hỗ trợ thực hiện chính sách triệt sản
 - a) Đối tượng được hỗ trợ: Người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội; người dân sống tại khóm, ấp đặc biệt khó khăn; xã vùng dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới, hải đảo;
 - b) Mức hỗ trợ: 500.000 đồng/người tự nguyện triệt sản.
 - c) Hỗ trợ chi phí đi lại đối với người tự nguyện triệt sản đến trung tâm làm kỹ thuật triệt sản, cán bộ y tế xuống tuyến xã hoặc các cụm kỹ thuật làm phẫu thuật: Mức chi theo quy định tại Điều 5 Quy định này.
- 2. Chi hỗ trợ mua, tiếp nhận và bảo quản phương tiện tránh thai (sau đây viết tắt là PTTT)
 - a) Mức chi theo hợp đồng, hóa đơn, chứng từ hợp pháp và quy định của pháp luật về đấu thầu.
 - b) Chi vận chuyển PTTT theo quy định tại Điều 5 Quy định này.

3. Thực hiện tiếp thị xã hội PTTT theo danh mục PTTT: Việc tổ chức triển khai thực hiện và cơ chế quản lý tài chính hoạt động tiếp thị xã hội PTTT thực hiện theo các quy định hiện hành

4. Chi kiểm định chất lượng PTTT: Theo giá kiểm định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

5. Chi thực hiện dịch vụ KHHGD, xử lý tai biến theo chuyên môn y tế đối với đối tượng tự nguyện triệt sản và người được cấp miễn phí phương tiện tránh thai:

a) Chi thực hiện dịch vụ KHHGD và xử lý tai biến theo chuyên môn y tế: Mức chi thực hiện theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của cơ quan có thẩm quyền quy định đối với cơ sở khám chữa bệnh công lập hiện hành.

b) Chi tiền công tiêm thuốc tránh thai: theo giá dịch vụ tiêm hiện hành đối với cơ sở y tế công lập.

c) Hỗ trợ chi phí đi lại (một lượt đi và về) cho bệnh nhân thuộc hộ nghèo, người tự nguyện triệt sản hoặc được cấp PTTT (vòng, thuốc tiêm, thuốc cây) miễn phí bị tai biến theo chuyên môn y tế đến kiểm tra tình hình bệnh tại cơ sở y tế chuyên khoa từ tuyến huyện trở lên (đối với các bệnh không thuộc danh mục bệnh do Bảo hiểm y tế chi trả và chưa được hỗ trợ từ các nguồn kinh phí khác) theo chỉ định của bác sĩ sau khi khám, sàng lọc phát hiện tại cộng đồng: Mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Điều 5 Quy định này.

6. Hoạt động sàng lọc chẩn đoán trước sinh và sơ sinh

a) Đối tượng miễn phí thực hiện gói dịch vụ sàng lọc trước sinh và sơ sinh cơ bản gồm đối tượng thuộc hộ nghèo, cận nghèo, bảo trợ xã hội; người dân sống tại khóm, ấp đặc biệt khó khăn; xã vùng dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới; người dân sống tại các vùng có nguy cơ cao, vùng nhiễm chất độc dioxin.

b) Nội dung hỗ trợ:

Khám, siêu âm, xét nghiệm (bao gồm cả chi phí lấy mẫu máu, gửi mẫu) cần thiết để thực hiện tầm soát chẩn đoán trước sinh và sơ sinh theo quy trình chuyên môn y tế của Bộ Y tế quy định. Mức chi thực hiện theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của cơ quan có thẩm quyền quy định đối với cơ sở khám chữa bệnh công lập (Sàng lọc trước sinh cho bà mẹ mang thai: Xét nghiệm tầm soát 4 bệnh; Sàng lọc sơ sinh cho trẻ sau sinh: Xét nghiệm tầm soát 5 bệnh) và giá cước dịch vụ bưu điện;

Chi gửi thông báo kết quả xét nghiệm sàng lọc của đối tượng (kể cả kết quả âm tính) theo giá cước dịch vụ bưu điện hiện hành (nếu có);

Chi phí đi lại khi phải chuyển tuyến theo phân tuyến chuyên môn kỹ thuật và chỉ định của bác sĩ tại cơ sở khám chữa bệnh thực hiện dịch vụ sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh theo thẩm quyền. Mức chi theo quy định tại Điều 5 Quy định này.

Cơ quan chuyên môn cấp tỉnh lựa chọn số lượng xã triển khai phù hợp với mục tiêu của Dự án, trong phạm vi dự toán ngân sách được giao trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao kinh phí thực hiện hoạt động sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh quyết định lựa chọn cơ sở KCB có đủ điều kiện, khả năng để thực hiện hoạt động sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh theo quy định của pháp luật về đầu thầu, đặt hàng cung cấp dịch vụ công;

7. Chi cập nhật thông tin về DS-KHHGD của hộ gia đình vào Sổ ghi chép ban đầu về DS-KHHGD của cộng tác viên: 5.000 đồng/phiếu thu tin của ít nhất 5 hộ gia đình đã có thông tin tại Sổ ghi chép hoặc của một hộ gia đình mới;

Điều 22. Chi hỗ trợ người khuyết tật thuộc hộ gia đình nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số, trẻ em khuyết tật dưới 6 tuổi (sau đây gọi chung là người khuyết tật) tham gia mô hình phục hồi chức năng

1. Chi phẫu thuật - chỉnh hình (nếu có) trong trường hợp người khuyết tật không được Quỹ Bảo hiểm y tế thanh toán: mức chi thực hiện theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của cơ quan có thẩm quyền quy định đối với cơ sở khám chữa bệnh công lập.

2. Chi hỗ trợ dụng cụ chỉnh hình (nếu có): 650.000 đồng/bệnh nhân.

3. Chi hỗ trợ dụng cụ tập phục hồi chức năng phù hợp với người khuyết tật: 1.300.000 đồng/bệnh nhân.

Điều 23. Hoạt động chăm sóc sức khỏe người cao tuổi

1. Chi phổ biến kiến thức cơ bản về chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; hướng dẫn người cao tuổi kỹ năng phòng bệnh, chữa bệnh và tự chăm sóc sức khỏe: Nội dung và mức chi thực hiện theo các văn bản quy định hiện hành.

2. Chi triển khai mô hình điểm về chăm sóc sức khỏe dài hạn; mô hình chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng, tại đơn vị nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe tập trung người cao tuổi theo phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Y tế: Nội dung và mức chi theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành.

Điều 24. Hoạt động cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em

1. Chi hỗ trợ mua nguyên vật liệu cho hoạt động thực hành dinh dưỡng, kỹ thuật chế biến thức ăn cho bà mẹ đang mang thai, người chăm sóc trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng hoặc thừa cân béo phì: thực hiện theo giá thị trường tại địa phương và chứng từ chi tiêu hợp pháp (giấy biên nhận hoặc hóa đơn).

2. Chi mua, vận chuyển các sản phẩm dinh dưỡng cấp miễn phí cho phụ nữ mang thai, phụ nữ đang cho con bú và trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng ở các vùng cần được hỗ trợ khẩn cấp về dinh dưỡng do thiên tai, thảm họa, dịch bệnh nguy hiểm gây ra. Việc mua sắm, vận chuyển theo hóa đơn, chứng từ hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đầu thầu, trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Chi hỗ trợ cán bộ y tế cho trẻ em 6 tháng đến 60 tháng tuổi uống vitamin A tại cộng đồng

a) Đối với xã ĐBK: 4.000 đồng/trẻ/liều (lần uống).

b) Đối với xã, phường, thị trấn còn lại: 2.000 đồng/trẻ/liều (lần uống).

Mục 4

NỘI DUNG VÀ MỨC CHI ĐẶC THÙ CỦA DỰ ÁN 4 (AN TOÀN THỰC PHẨM)

Điều 25. Dự án An toàn thực phẩm (sau đây viết tắt là ATTP)

1. Chi triển khai kỹ thuật và thẩm định phương pháp thử; triển khai phương pháp thử nghiệm quốc tế, khu vực, đánh giá chất lượng phòng kiểm nghiệm

a) Chi thử nghiệm thành thạo, so sánh liên phòng. Nội dung và mức chi đặc thù bao gồm:

Chi xây dựng đề cương dự kiến chương trình thử nghiệm: 1.000.000 đồng/đề cương;

Tổng hợp, xử lý kết quả phân tích của các phòng kiểm nghiệm: 1.000.000 đồng/báo cáo;

Chi thử nghiệm thành thạo, so sánh liên phòng quốc tế và trong nước: Mức chi theo hợp đồng, hóa đơn chứng từ chi tiêu hợp pháp;

Chi họp Hội đồng thử nghiệm thành thạo: Nội dung và mức chi thực hiện theo các văn bản quy định hiện hành;

Gửi kết quả phân tích cho cơ quan, đơn vị quản lý theo quy định: Mức chi theo giá cước dịch vụ bưu chính.

b) Chi thuê hiệu chuẩn trang thiết bị kiểm nghiệm phục vụ chương trình: Mức chi theo giá dịch vụ kiểm nghiệm theo quy định của pháp luật về giá.

c) Chi chuẩn hóa phòng kiểm nghiệm theo tiêu chuẩn TCVN ISO/IEC 17025:2017 đối với các cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế, Bộ Công Thương và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, bao gồm:

Xây dựng, chuẩn hóa phương pháp thử ISO: 500.000 đồng/phương pháp thử;

Hỗ trợ cán bộ chuẩn hóa: Mức chi 100.000 đồng/người/ngày, tối đa không quá 500.000 đồng/người/tháng.

d) Chi đánh giá nội bộ tối đa không quá 2 lần/năm:

Chi xây dựng đề cương đánh giá nội bộ: 1.000.000 đồng/đề cương.

Tổng hợp, báo cáo kết quả đánh giá nội bộ: 1.000.000 đồng/báo cáo.

Hỗ trợ cán bộ chuẩn hóa tài liệu, giám sát đánh giá nội bộ: 200.000 đồng/cán bộ/đợt đánh giá; tối đa không quá 5 cán bộ/đợt đánh giá.

e) Chi thuê đánh giá giám sát bên ngoài nhằm mở rộng, duy trì hệ thống ISO 17025:2017: mức chi thuê chuyên gia đánh giá, chi tiền vận chuyên cho chuyên gia vé xe, tàu, máy bay, taxi,..., chi thuê phòng nghỉ các mức chi theo giá dịch vụ, theo quy định của pháp luật về giá.

2. Chi phòng chống ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm

a) Chi cho hoạt động phân tích dữ liệu và báo cáo thông tin về ngộ độc thực phẩm: 2.600.000 đồng/vụ ngộ độc thực phẩm.

b) Chi thù lao người trực tiếp điều tra, xử lý ngộ độc thực phẩm, dịch bệnh truyền qua thực phẩm (ngoài chế độ công tác phí; trường hợp cán bộ đã được hưởng phụ cấp chống dịch từ các nguồn kinh phí khác thì không hưởng chế độ thù lao này): Mức hỗ trợ như sau:

Tại khu vực lũ lụt, thiên tai, thảm họa, ổ bệnh dịch truyền qua thực phẩm: Mức chi 130.000 đồng/người/ngày;

Tại các khu vực, địa điểm khác: Mức chi 100.000 đồng/người/ngày.

c) Chi xây dựng mô hình điểm về đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm đối với loại hình kinh doanh dịch vụ ăn uống và thức ăn đường phố; bếp ăn tập thể tại địa phương. Thủ trưởng đơn vị quản lý nhà nước chuyên môn cấp tỉnh tại địa phương quyết định. Nội dung và mức chi: Chi xây dựng đề cương: 1.000.000 đồng/đề cương.

Mục 5

NỘI DUNG VÀ MỨC CHI ĐẶC THÙ CỦA DỰ ÁN 5

(PHÒNG, CHỐNG HIV/AIDS)

Điều 26. Dự án Phòng, chống HIV/AIDS

1. Tăng cường xét nghiệm phát hiện HIV/AIDS

a) Chi xét nghiệm HIV, nhiễm khuẩn lây truyền qua đường tình dục (sau đây viết tắt là STI) phục vụ các hoạt động chuyên môn của Chương trình trong các đợt giám sát dịch tễ học HIV/AIDS, giám sát các nhiễm khuẩn lây truyền qua đường tình dục (gồm giám sát trọng điểm, giám sát phát hiện, giám sát trọng điểm lồng ghép giám sát hành vi và các chỉ số sinh học) của các đối tượng bắt buộc phải xét nghiệm HIV theo quy định của pháp luật (bao gồm cả các đợt điều tra, phục vụ nghiên cứu): Mức chi áp dụng theo giá dịch vụ khám chữa bệnh, giá dịch vụ khám và điều trị HIV/AIDS và dự phòng lây truyền HIV do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đối với cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở điều trị HIV/AIDS và dự phòng lây truyền HIV công lập;

b) Chi hỗ trợ xét nghiệm tìm các chất ma túy trong máu, nước tiểu và các xét nghiệm thường quy khác theo quy định của Bộ Y tế đối với người thuộc hộ

nghèo, hộ cận nghèo, người dân tộc thiểu số sống tại các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội ĐBKK tham gia điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế. Mức chi áp dụng theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, giá dịch vụ khám và điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở khám và điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế công lập;

c) Chi hỗ trợ đối tượng nguy cơ cao cho mẫu máu, bệnh phẩm xét nghiệm phát hiện HIV/AIDS: 30.000 đồng/mẫu.

2. Chi triển khai can thiệp giảm tác hại và dự phòng lây nhiễm HIV

a) Chi phụ cấp cho nhân viên tiếp cận cộng đồng đã được cấp thẻ: 1.300.000 đồng/người/tháng. Nhân viên tiếp cận cộng đồng đưa được đối tượng nguy cơ cao đi xét nghiệm có kết quả dương tính hoặc điều trị thuốc kháng HIV thì được hỗ trợ thêm 200.000 đồng/đối tượng, nhưng không quá 600.000 đồng/tháng. Trường hợp nhân viên tiếp cận cộng đồng đã được hưởng chế độ thù lao từ các nguồn kinh phí khác thì không được hưởng chế độ thù lao từ nguồn kinh phí chương trình và ngược lại;

b) Chi hỗ trợ sinh hoạt nhóm tuyên truyền viên đồng đẳng hàng tháng:

Hỗ trợ sinh hoạt hàng tháng: 10.000 đồng/thành viên/tháng, nhưng tối đa 1.200.000 đồng/nhóm/năm;

c) Chi thăm hỏi khi thành viên trong nhóm tuyên truyền viên đồng đẳng bị ốm đau: 100.000 đồng/lần, tối đa 3 lần/năm;

d) Trợ cấp một lần đối với thành viên tuyên truyền viên đồng đẳng có nhiều thành tích đóng góp trong công tác phòng, chống HIV/AIDS có hoàn cảnh khó khăn: 200.000 đồng/thành viên;

Số lượng nhân viên tiếp cận cộng đồng đã được cấp thẻ, số nhóm và số lượng thành viên nhóm tuyên truyền viên đồng đẳng do thủ trưởng cơ quan chuyên môn về y tế tại địa phương quyết định phù hợp với thực tế của địa phương.

3. Chi hỗ trợ điều trị HIV/AIDS và dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con

a) Hỗ trợ chi phí điều trị nhiễm trùng cơ hội cho người nhiễm HIV do tai nạn nghề nghiệp, rủi ro của kỹ thuật y tế, người dân có nguy cơ rủi ro lây nhiễm HIV khi tham gia cứu nạn, phòng tội phạm, phụ nữ mang thai, trẻ em dưới 6 tuổi, người nghèo, người dân tộc thiểu số cư trú tại các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội ĐBKK (trừ đối tượng đã được cơ quan bảo hiểm xã hội thanh toán chi phí khám chữa bệnh từ nguồn quỹ Bảo hiểm y tế hoặc được hỗ trợ từ các nguồn kinh phí khác) với mức hỗ trợ là 200.000 đồng/người/năm;

b) Hỗ trợ tình nguyện viên tham gia chăm sóc, điều trị người nhiễm HIV tại cộng đồng ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội ĐBKK: Mức hỗ trợ 350.000 đồng/người/tháng. Số lượng tình nguyện viên do thủ trưởng cơ quan chuyên môn y tế cấp tỉnh quyết định phù hợp với số lượng người nhiễm HIV/AIDS cần được chăm sóc, điều trị trên địa bàn tỉnh;

c) Hỗ trợ dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con: Chi xét nghiệm HIV cho phụ nữ mang thai tự nguyện xét nghiệm HIV, trẻ em dưới 18 tháng tuổi sinh ra từ người mẹ nhiễm HIV/AIDS. Mức chi áp dụng theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, giá dịch vụ khám và điều trị HIV/AIDS do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đối với cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở điều trị HIV/AIDS công lập.

Mục 6
NỘI DUNG VÀ MỨC CHI ĐẶC THÙ CỦA DỰ ÁN 6
(ĐẢM BẢO MÁU AN TOÀN VÀ PHÒNG, CHỐNG
MỘT SỐ BỆNH LÝ HUYẾT HỌC)

Điều 27. Dự án Đảm bảo máu an toàn và phòng, chống một số bệnh lý huyết học

1. Chi thực hiện chương trình ngoại kiểm xét nghiệm sàng lọc đơn vị máu bảo đảm an toàn truyền máu phòng, ngừa lây nhiễm HBV (viêm gan B), HCV (viêm gan C), HIV, giang mai

a) Chi phí thu thập tài liệu, nhập liệu, tổng hợp phân tích kết quả và viết báo cáo: 150.000 đồng/đơn vị;

b) Cập nhật tài liệu, quy trình chất lượng liên quan đến chương trình ngoại kiểm (EQAS: External Quality Assessment): 500.000 đồng/quy trình;

c) Chi hỗ trợ người xây dựng và bảo quản ngân hàng mẫu: 10.000 đồng/mẫu;

d) Chi hỗ trợ người điều chế và xét nghiệm bộ mẫu: 100.000 đồng/mẫu.

2. Về hỗ trợ hoạt động xây dựng lực lượng hiến máu dự bị để xây dựng ngân hàng máu sống: Hỗ trợ kinh phí lập kế hoạch, chương trình, viết báo cáo: Tối đa 500.000 đồng đối với cấp xã, huyện; 1.000.000 đồng đối với cấp tỉnh.

Mục 7
NỘI DUNG VÀ MỨC CHI ĐẶC THÙ CỦA DỰ ÁN 7
(QUÂN DÂN Y KẾT HỢP)

Điều 28. Dự án Quân dân y kết hợp

Chi hỗ trợ công tác huấn luyện, diễn tập lực lượng y tế cơ động nhằm đáp ứng yêu cầu can thiệp nhanh trong các tình huống khẩn cấp, mức chi bồi dưỡng diễn tập: 200.000 đồng/người/ngày.

Mục 8
NỘI DUNG VÀ MỨC CHI ĐẶC THÙ CỦA DỰ ÁN 8
(THEO DÕI, KIỂM TRA, GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH VÀ TRUYỀN THÔNG Y TẾ)

Điều 29. Dự án Theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện chương trình và truyền thông y tế

1. Chi tổ chức mít tinh, tháng hành động, chiến dịch truyền thông, truyền thông lồng ghép

a) Hỗ trợ những người tổ chức, giám sát thực hiện chiến dịch, vận động và tư vấn (ngoài chế độ công tác phí hiện hành): 40.000 đồng/người/ngày;

b) Bồi dưỡng người trực tiếp tham gia chiến dịch: 50.000 đồng/người/ngày. Thủ trưởng đơn vị được giao nhiệm vụ truyền thông quyết định số lượng người tham gia chiến dịch trong phạm vi dự toán được giao;

c) Bồi dưỡng phát thanh viên: 100.000 đồng/người/ngày.

2. Chi sản xuất, biên tập các chương trình, tọa đàm, phóng sự trên các phương tiện thông tin đại chúng (phát thanh, truyền hình): Theo đơn giá của Đài Phát thanh, Truyền hình địa phương.

3. Chi mua, sản xuất, nhân bản, phát hành, sửa chữa các sản phẩm truyền thông, thông tin khác (tờ rơi, áp-phích, pa-nô, khẩu hiệu, đoạn băng hình (video clip) để tăng cường nội dung thông tin, tuyên truyền về Chương trình: Mức chi theo hóa đơn, hợp đồng, chứng từ chi tiêu hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đấu thầu./.